

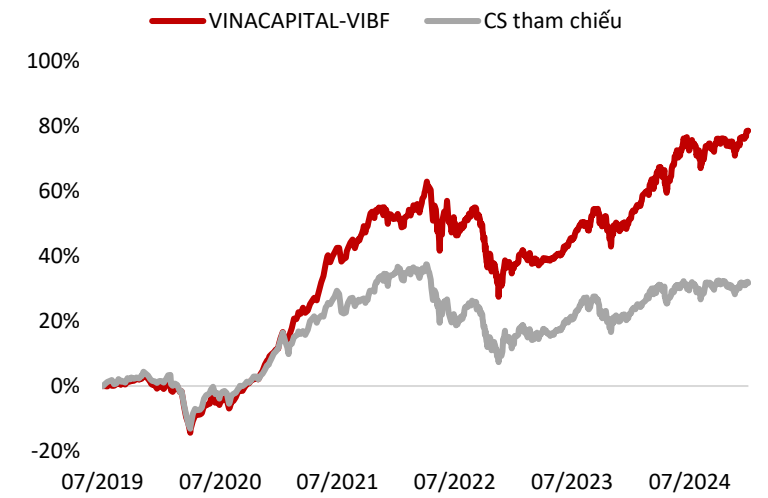
VINACAPITAL-VIBF Chiến lược đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là giúp nhà đầu tư tiếp cận được những cổ phiếu tiềm năng đồng thời đầu tư vào trái phiếu để giảm thiểu rủi ro biến động giá. Chiến lược phân bổ của Quỹ là 50:50.

Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty.

Quỹ cũng sẽ đầu tư vào trái phiếu, giấy tờ có giá và các sản phẩm có thu nhập cố định khác được phát hành bởi những công ty uy tín, có lợi nhuận bền vững và khả năng đáp ứng nguồn vốn tốt, trong khi vẫn đáp ứng được tỷ suất sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

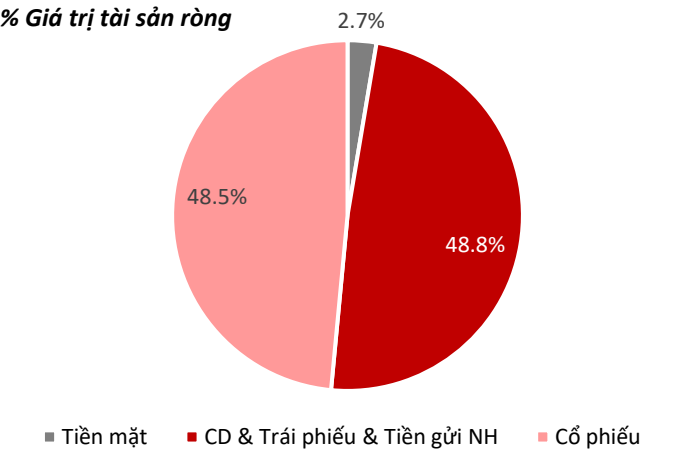
Hiệu suất đầu tư của quỹ VINACAPITAL-VIBF

	VINACAPITAL-VIBF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	841.1	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	17,853.7	
Lợi nhuận tháng 12/2024 (%)	2.3	0.8
Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%)	17.9	8.4
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm)	5.4	0.2
Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm)	12.3	5.4
Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	11.1	5.1
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	78.5	31.7

*CSTC: Chỉ số tham chiếu
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản



Thông tin quỹ

Ngày thành lập	07/02/2019
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 1.5% >= 12 tháng 0.5% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Bình quân của VN-Index và lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank

Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VIBF	CSTC
Chỉ số P/E 2025 (x)	8.5	11.4
Chỉ số P/B 2025 (x)	1.5	1.6
Chỉ số ROE 2025 (%)	18.4	14.1
Lợi suất cổ tức (%)	2.8	2.2
Số lượng chứng khoán	21	412

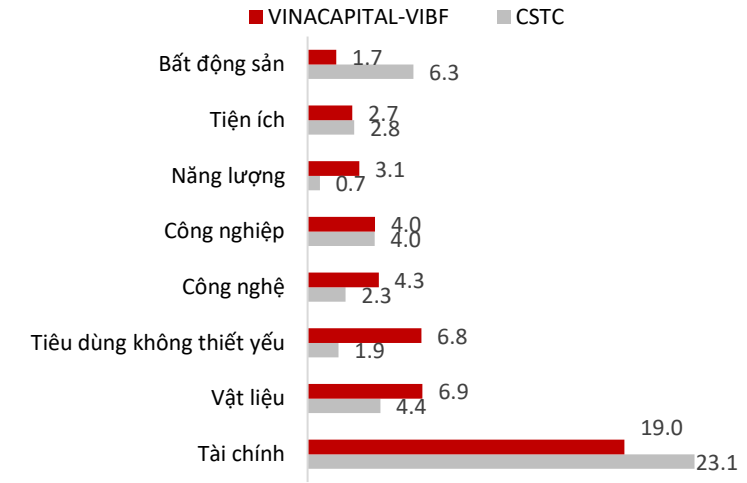
Chỉ số danh mục trái phiếu

Thời gian đáo hạn bình quân (năm)	0.5
Lợi suất khi đáo hạn (%)	6.1

Nguồn: dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

	Tên	Ngành	Tỷ trọng (%)
Cổ phiếu	MBB	Tài chính	6.8
	FPT	Công nghệ	4.3
	ACB	Tài chính	3.9
	HPG	Vật liệu	3.4
	STB	Tài chính	3.4
Trái phiếu	TN1122016	Bất động sản	8.2
	KDH12202	Bất động sản	4.3
	TCX124012	Tài chính	2.8

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tổng giá trị phát hành trong tháng 12 đạt 61,5 nghìn tỷ đồng, giảm 19,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngành ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất, phát hành 29,3 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 47,7% tổng giá trị phát hành, với lợi suất trung bình 6,1% và kỳ hạn trung bình 5,5 năm. Ngành bất động sản đứng thứ hai với giá trị phát hành 23,4 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 38,0% tổng số, với lợi suất trung bình 9,5% và kỳ hạn trung bình 3,5 năm. Trong lĩnh vực này, Vinhomes và NEWCO (một công ty con của Masterise) lần lượt phát hành 4,0 nghìn tỷ đồng và 6,9 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty An Thịnh và công ty liên quan Minh An lần lượt phát hành 7,0 nghìn tỷ đồng và 1,0 nghìn tỷ đồng. Các phát hành còn lại đến từ lĩnh vực Du lịch (Vietjet – 5,0 nghìn tỷ đồng), Tài chính (1,18 nghìn tỷ đồng), Năng lượng (900 tỷ đồng) và các lĩnh vực khác (1,75 nghìn tỷ đồng).

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Sau 2 tháng giảm liên tiếp, chỉ số VN Index ghi nhận mức phục hồi 1,3% trong tháng 12/2024, đóng cửa năm 2024 ở mốc 1.266,8 điểm. Tính trong cả năm 2024, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam tăng được 12,1%.

(tiếp tục ở cột bên cạnh)

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF (tt)

Trong tháng 12, mặc dù được hỗ trợ bởi kỳ vọng vào việc nâng hạng thị trường sau khi nhà đầu tư nước ngoài không còn phải ký quỹ 100% tiền mặt trước khi giao dịch, TTCK Việt Nam lại gặp áp lực từ tỷ giá. Trong cuộc họp gần nhất, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) phát đi thông điệp về khả năng số lần hạ lãi suất trong năm 2025 sẽ ít hơn kỳ vọng trước đó. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã phải bán USD can thiệp để ổn định tỷ giá trong tháng. Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND đã tăng khoảng 5%.

Thanh khoản của TTCK trong tháng 12 vẫn ở mức yếu, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày trên cả ba sàn đạt 16,5 nghìn tỷ đồng. Dù đã tăng nhẹ 5% so với tháng 11, thanh khoản tháng 12 vẫn thấp hơn 22% so với mức trung bình cả năm.

Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng 2,8 nghìn tỷ đồng trên cả ba sàn trong tháng 12. Tuy nhiên, lượng bán ròng đã giảm đáng kể so với hai tháng trước đó, khi giá trị bán ròng trung bình mỗi tháng đạt trên 11 nghìn tỷ đồng. Tính chung cả năm 2024, khối ngoại bán ròng giá trị kỷ lục là 92,6 nghìn tỷ đồng. Kết quả là tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cuối năm 2024 giảm xuống còn 16,4%, mức thấp nhất trong nhiều năm qua.

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá tích cực với GDP tăng 7,1% trong năm 2024. Động lực chính của tăng trưởng đến từ sản xuất với chỉ số sản xuất của lĩnh vực chế biến chế tạo tăng 9,6% so với năm 2023. Cùng với đó, kim ngạch xuất khẩu tăng 14,3% và nhập khẩu tăng 16,7%, xuất siêu năm 2024 đạt 24,8 tỷ USD đã phần nào giảm bớt áp lực về tỷ giá trong bối cảnh lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ liên tục duy trì ở mức cao trong cả năm. Tiêu dùng trong nước cũng phục hồi khi tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý IV/2024 tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất trong 4 quý của năm 2024, đưa con số tăng trưởng bán lẻ cả năm lên 9,0%, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,9%.

Tuy nhiên, có một vài số liệu cần được theo dõi kỹ như Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) trong tháng 12 giảm xuống còn 49,8 điểm với sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng yếu hơn. Tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu cũng đã chậm lại trong vài tháng gần đây.

CẬP NHẬT QUỸ VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ

Giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ của VINACAPITAL-VIBF tăng 2,3% trong tháng 12/2024, cao hơn 1,4% so với chỉ số tham chiếu (CSTC). Trong cả năm 2024, VINACAPITAL-VIBF tăng 17,9%, vượt xa so với mức tăng chỉ 8,4% của CSTC.

Trong năm 2024, những cổ phiếu đóng góp nhiều vào lợi nhuận vượt trội của quỹ bao gồm FPT, MWG, và một số ngân hàng như MBB, ACB.

FPT nằm trong số những khoản đầu tư thành công nhất của quỹ trong những năm qua. Trong năm 2024, vốn hóa của FPT đã tăng 83% từ 122,8 nghìn tỷ đồng lên 224,3 nghìn tỷ đồng, đưa FPT vào Top-3 về vốn hóa của các doanh nghiệp niêm yết và là doanh nghiệp tư nhân có vốn hóa lớn nhất trên TTCK Việt Nam. Tầm quan trọng của công nghệ thông tin, xu hướng số hóa trên toàn cầu cùng với tiềm năng to lớn của lĩnh vực trí tuệ nhân tạo sẽ là những động lực tăng trưởng cho FPT.

MWG đã có một bước ngoặt lớn trong năm qua, chuyển mình vượt qua các khó khăn trong năm 2023 khi đạt được lợi nhuận ròng 2.875 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2024 so với chỉ 78 tỷ đồng trong cùng kỳ năm 2023.

Các ngân hàng mà quỹ đầu tư đều là những ngân hàng có chất lượng tài sản tốt hoặc đang có những cải thiện đáng kể về chất lượng tài sản. Hầu hết các ngân hàng trên TTCK Việt Nam đang có mức định giá rẻ và được kỳ vọng sẽ đạt tăng trưởng khả quan trong năm 2025.

Định giá của TTCK Việt Nam không thay đổi nhiều trong thời gian qua. Chỉ số VN Index đang được giao dịch ở mức P/E khoảng 12 lần cho năm 2024, với kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết đạt khoảng 15% trong năm 2025. Trong ngắn hạn, thị trường vẫn có thể thận trọng với những biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, áp lực sẽ giảm bớt khi các chính sách của Tổng thống Trump trở nên rõ ràng và Fed sẽ hạ thêm lãi suất trong vài tháng tới. Ngoài ra, những thông tin về việc nâng hạng TTCK Việt Nam sẽ mang lại tâm lý tích cực cho nhà đầu tư.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2022	-0.1%	1.9%	3.1%	-2.8%	-1.6%	-1.7%	-0.8%	3.9%	-5.9%	-5.5%	-1.5%	0.5%	-10.5%
2023	4.0%	-2.8%	0.6%	0.5%	1.0%	2.9%	3.8%	1.3%	-1.0%	-5.3%	3.7%	2.2%	11.2%
2024	2.6%	4.3%	3.3%	-2.6%	4.8%	0.9%	0.0%	1.3%	0.8%	-0.5%	-0.3%	2.3%	17.9%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.